

Số: 40957/QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 21 tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch tổ chức bồi dưỡng và phân bổ kinh phí bồi dưỡng Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05/3/2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

Căn cứ Quyết định số 163/QĐ-TTg ngày 25/01/2016 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016-2025;

Căn cứ Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức;

Căn cứ Quyết định số 5256/2015/QĐ-UBND ngày 14/12/2015 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2016 của tỉnh Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Liên ngành: Nội vụ-Tài chính tại Tờ trình số: 584/TTrLN-NV-TC ngày 18/10/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch tổ chức bồi dưỡng và phân bổ kinh phí bồi dưỡng Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021.

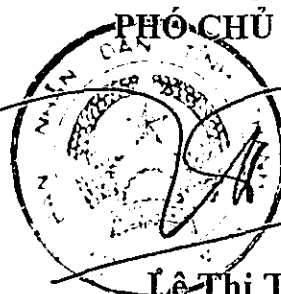
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các cơ quan ngang sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 QĐ;
- Bộ Nội vụ (để b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Thị Thìn

Thanh Hóa, ngày 21 tháng 10 năm 2016

KẾ HOẠCH

Tổ chức bồi dưỡng và phân bổ kinh phí bồi dưỡng

Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 4095/QĐ-UBND ngày 21/10/2016
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)*

Thực hiện Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05/3/2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức; Thông tư 03/2011/TT-BNV ngày 25/01/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 18/2010/NĐ-CP; Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức; Quyết định số 163/QĐ-TTg ngày 25/01/2016 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016-2025; Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Nội vụ tại Công văn số 2273/BNV-ĐT ngày 20/5/2016, UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Kế hoạch tổ chức bồi dưỡng đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016-2021 của tỉnh như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

Trang bị kiến thức, kỹ năng và phương pháp hoạt động cho đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021 nhằm nâng cao chất lượng hoạt động cho đại biểu HĐND các cấp tỉnh Thanh Hóa.

2. Yêu cầu:

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016-2021 có hiệu quả, đảm bảo tiến độ theo Kế hoạch được phê duyệt.

- Đảm bảo 100% đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016-2021 được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng và phương pháp hoạt động trong năm 2016 và năm 2017.

II. TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG VÀ GIẢNG VIÊN.

1. Thống nhất sử dụng tài liệu bồi dưỡng đại biểu HĐND nhiệm kỳ 2016-2021 do Bộ Nội vụ ban hành và cấp cho địa phương.

2. Cấp phát tài liệu: Sở Nội vụ tổ chức cấp phát tài liệu cho đại biểu HĐND đảm bảo đủ số lượng phục vụ cho công tác bồi dưỡng đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016-2021.

3. Giảng viên: Giảng viên Trường Chính trị tỉnh được cử tham gia Hội thảo nâng cao kiến thức, kỹ năng và phương pháp giảng dạy cho giảng viên tham gia

bồi dưỡng đại biểu HĐND cấp huyện, cấp xã nhiệm kỳ 2016-2021 do Bộ Nội vụ tổ chức (gồm giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng của trường).

III. NỘI DUNG BỒI DƯỠNG.

1. Bồi dưỡng đại biểu HĐND cấp tỉnh:

Tổng số đại biểu HĐND cấp tỉnh: 95 đại biểu. Lớp bồi dưỡng đại biểu HĐND cấp tỉnh do Bộ Nội vụ tổ chức theo Kế hoạch của Bộ Nội vụ (Bộ Nội vụ đảm nhiệm kinh phí tổ chức lớp; đại biểu HĐND cấp tỉnh được hưởng chi phí ăn, nghỉ, đi lại theo quy định hiện hành từ nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng của địa phương).

2. Bồi dưỡng đại biểu HĐND cấp huyện:

Tổng số đại biểu HĐND cấp huyện: 993 đại biểu/27 huyện, thị, thành phố. Chia theo vùng, miền bồi dưỡng, gồm:

- Số lớp: 08 lớp (vùng đồng bằng, trung du: 03 lớp; khu vực miền núi 03 lớp và vùng ven biển 02 lớp).

- Đơn vị thực hiện: Sở Nội vụ.

- Địa điểm: Tại Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa.

3. Bồi dưỡng đại biểu HĐND cấp xã:

Tổng số đại biểu HĐND cấp xã: 16.066 đại biểu/27 huyện, thị, thành phố.

- Số lớp: 139 lớp (có chi tiết các lớp kèm theo).

- Đơn vị thực hiện: UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Địa điểm: Tại các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Thanh Hóa (địa điểm cụ thể do Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố lựa chọn).

4. Đối với những người là đại biểu HĐND 2 cấp, chỉ tham gia bồi dưỡng lớp dành cho đại biểu HĐND cấp cao nhất.

IV. TIẾN ĐỘ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN.

1. Lớp bồi dưỡng đại biểu HĐND cấp tỉnh tổ chức trong thời gian 03 ngày: từ ngày 24/10/2016 đến ngày 26/10/2016 tại thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An (theo Công văn triệu tập của Bộ Nội vụ).

2. Các lớp bồi dưỡng đại biểu HĐND cấp huyện đảm bảo hoàn thành chậm nhất trong quý II/2017.

3. Các lớp bồi dưỡng đại biểu HĐND cấp xã đảm bảo hoàn thành chậm nhất trong quý III/2017.

4. Các lớp bồi dưỡng đại biểu HĐND cấp huyện, cấp xã, mỗi lớp bồi dưỡng thực hiện trong 02 ngày.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN.

1. Tổng kinh phí: **4,728,590,000 đồng** (Bốn tỷ, bảy trăm hai mươi tám triệu, năm trăm chín mươi nghìn đồng)

(có dự toán chi tiết các lớp bồi dưỡng HĐND cấp huyện, cấp xã kèm theo)

2. Nguồn kinh phí: Kinh phí tổ chức thực hiện bồi dưỡng đại biểu HĐND cấp huyện, cấp xã nhiệm kỳ 2016-2021 được bảo đảm từ nguồn ngân sách tỉnh dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức tỉnh Thanh Hóa được phê duyệt tại Quyết định số 5256/2015/QĐ-UBND ngày 14/12/2015 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2016.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

1. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với Trường Chính trị tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này theo đúng các quy định hiện hành, đúng tiến độ, đảm bảo hiệu quả, chất lượng;

- Phối hợp với Trường Chính trị tỉnh thống nhất thời gian tổ chức bồi dưỡng và thông báo triệu tập đại biểu đúng thành phần, đủ số lượng để tổ chức thực hiện bồi dưỡng các lớp đại biểu HĐND cấp huyện nhiệm kỳ 2016-2021 theo Kế hoạch được phê duyệt;

- Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch và tổ chức các lớp bồi dưỡng đại biểu HĐND cấp xã nhiệm kỳ 2016-2021;

- Chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí được giao đúng mục đích, hiệu quả; thanh, quyết toán kinh phí bồi dưỡng theo quy định hiện hành.

- Tổng hợp, đánh giá kết quả bồi dưỡng đại biểu HĐND cấp huyện, cấp xã nhiệm kỳ 2016-2021 báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nội vụ theo quy định;

2. Sở Tài chính

Căn cứ Kế hoạch được phê duyệt, Sở Tài chính thông báo bổ sung dự toán cho Sở Nội vụ; Trường Chính trị tỉnh, Văn phòng HĐND tỉnh và bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện, thị xã, thành phố.

3. Văn phòng Hội đồng Nhân dân tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan có liên quan thông báo triệu tập đại biểu HĐND cấp tỉnh theo Kế hoạch của Bộ Nội vụ; chuẩn bị tốt mọi điều kiện đảm bảo cho đại biểu HĐND cấp tỉnh tham dự lớp bồi dưỡng theo quy định.

- Chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí được giao đúng mục đích; thanh, quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.

4. Trường Chính trị tỉnh

- Chuẩn bị cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học và các điều kiện cần thiết khác để triển khai mở các lớp bồi dưỡng đại biểu HĐND cấp huyện đảm bảo chất lượng và thời gian theo Kế hoạch.

- Chủ động phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố để xây dựng kế hoạch lịch giảng dạy cụ thể cho các lớp bồi dưỡng đại biểu HĐND cấp xã nhiệm kỳ 2016-2021.

- Phối hợp với Sở Nội vụ tổ chức các lớp bồi dưỡng đại biểu HĐND cấp huyện, quản lý học viên, báo cáo kết quả các lớp bồi dưỡng về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để tổng hợp.

- Phối hợp với Sở Nội vụ, các cơ quan có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố cử giảng viên đã được tham gia Hội thảo nâng cao năng lực bồi dưỡng đại biểu HĐND do Bộ Nội vụ tổ chức để tham gia giảng dạy các lớp bồi dưỡng đại biểu HĐND cấp huyện, cấp xã nhiệm kỳ 2016-2021. Giảng viên tham gia giảng dạy phải nghiên cứu tình hình, đặc điểm của từng vùng, miền để soạn giáo án bài giảng phục vụ cho công tác giảng dạy bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế địa phương và phù hợp với đối tượng là đại biểu HĐND cấp huyện, cấp xã.

- Chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí được giao đúng mục đích; thanh, quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.

5. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Căn cứ khả năng ngân sách tỉnh hỗ trợ, huy động các nguồn lực tại huyện phối hợp với Trường Chính trị tỉnh và các cơ quan có liên quan để xây dựng kế hoạch mở lớp, đảm bảo chất lượng và thời gian theo Kế hoạch của tỉnh.

- Triệu tập đại biểu đúng thành phần, đủ số lượng và chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện bồi dưỡng đại biểu HĐND cấp xã nhiệm kỳ 2016-2021 theo Kế hoạch đã được phê duyệt.

- Báo cáo đánh giá kết quả bồi dưỡng đại biểu HĐND cấp xã nhiệm kỳ 2016-2021 về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để tổng hợp.

- Chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả; thanh, quyết toán kinh phí bồi dưỡng theo quy định hiện hành.

Căn cứ Kế hoạch này, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện nghiêm túc. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc báo cáo về Sở Nội vụ tổng hợp, đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

**KT. CHỦ TỊCH
BỘ CHỦ TỊCH**



Lê Thị Thìn



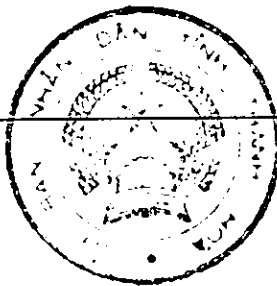
PHỤ LỤC CHI TIẾT

**DỰ TOÁN PHÂN BỐ KINH PHÍ BỒI DƯỠNG ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CẤP HUYỆN, CẤP XÃ
NHIỆM KỲ 2016-2021 CỦA TỈNH THANH HOÁ**

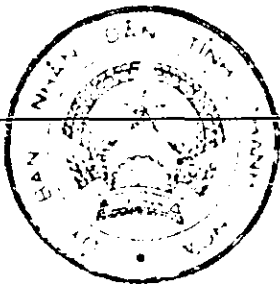
(Kèm theo Quyết định số: 4095/QĐ-UBND ngày 21/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: đồng

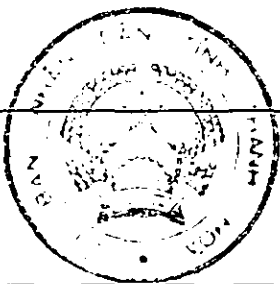
Số TT	Nội dung chi	Dự toán			
		ĐVT	Số lượng	Định mức	Thành tiền
	Tổng cộng				4,728,590,000
A	BỒI DƯỠNG ĐẠI BIỂU HĐND CẤP HUYỆN (SỞ NỘI VỤ)				315,720,000
	08 lớp, tổng số 993 học viên	lớp	8		315,720,000
1	Chi phí tính cho 01 lớp				13,400,000
-	Chi thuê hội trường	ngày	2	3,000,000	6,000,000
-	Ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	2	1,000,000	2,000,000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	4	600,000	2,400,000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3,000,000
2	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên	người	993	100,000	99,300,000
3	Hỗ trợ tiền đi lại cho học viên (khoảng 70% học viên)		695	100,000	69,500,000
4	Tiền nước uống	người	993	40,000	39,720,000
B	BỒI DƯỠNG ĐẠI BIỂU HĐND CẤP XÃ				3,996,040,000
I	Thành phố Thanh Hoá				224,060,000



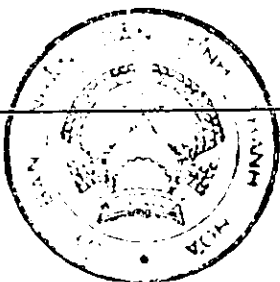
Số TT	Nội dung chi	Dự toán			
		ĐVT	Số lượng	Định mức	Thành tiền
	08 lớp, tổng số 949 học viên	lớp	8		224,060,000
1	Chi phí tính cho 01 lớp				11,400,000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	2	3,000,000	6,000,000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	4	600,000	2,400,000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3,000,000
2	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên cho 8 lớp	người	949	100,000	94,900,000
3	Tiền nước uống cho học viên cho 8 lớp	người	949	40,000	37,960,000
II	Thị xã Bim Sơn				53,260,000
	02 lớp, tổng số 199 học viên	lớp	2		53,260,000
1	Chi phí tính cho 01 lớp				12,700,000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	2	3,000,000	6,000,000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	4	600,000	2,400,000
-	Chi phụ cấp tiền ăn cho giảng viên	ngày	2	150,000	300,000
-	Chi thuê phương tiện đi lại cho giảng viên	lượt	2	200,000	400,000
-	Chi thuê phòng nghỉ cho giảng viên	ngày	2	300,000	600,000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3,000,000
2	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên cho 2 lớp	người	199	100,000	19,900,000
3	Tiền nước uống cho học viên cho 2 lớp	người	199	40,000	7,960,000



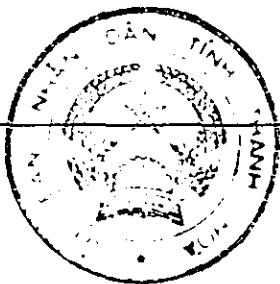
Số TT	Nội dung chi	Dự toán			
		ĐVT	Số lượng	Định mức	Thành tiền
III	Thị xã Sầm Sơn				64,420,000
	02 lớp, tổng số 283 học viên	lớp	2		64,420,000
1	Chi phí tính cho 01 lớp				12,400,000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	2	3,000,000	6,000,000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	4	600,000	2,400,000
-	Chi phụ cấp tiền ăn cho giảng viên	ngày	2	150,000	300,000
-	Chi thuê phương tiện đi lại cho giảng viên	lượt	2	200,000	400,000
-	Chi thuê phòng nghỉ cho giảng viên	ngày	1	300,000	300,000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3,000,000
2	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên cho 2 lớp	người	283	100,000	28,300,000
3	Tiền nước uống cho học viên cho 2 lớp	người	283	40,000	11,320,000
IV	Huyện Hoằng Hoá				260,140,000
	09 lớp, tổng số 1061 học viên	lớp	9		260,140,000
1	Chi phí tính cho 01 lớp				12,400,000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	2	3,000,000	6,000,000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	4	600,000	2,400,000
-	Chi phụ cấp tiền ăn cho giảng viên	ngày	2	150,000	300,000
-	Chi thuê phương tiện đi lại cho giảng viên	lượt	2	200,000	400,000
-	Chi thuê phòng nghỉ cho giảng viên	ngày	1	300,000	300,000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3,000,000



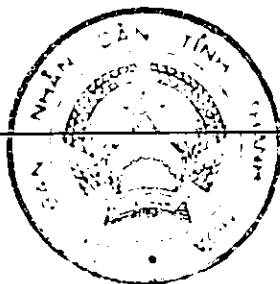
Số TT	Nội dung chi	Dự toán			
		ĐVT	Số lượng	Định mức	Thành tiền
2	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên cho 9 lớp	người	1,061	100,000	106,100,000
3	Tiền nước uống cho học viên cho 9 lớp	người	1,061	40,000	42,440,000
V	Huyện Yên Định				177,560,000
	06 lớp, tổng số 724 học viên	lớp	6		177,560,000
1	Chi phí tính cho 01 lớp				12,700,000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	2	3,000,000	6,000,000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	4	600,000	2,400,000
-	Chi phụ cấp tiền ăn cho giảng viên	ngày	2	150,000	300,000
-	Chi thuê phương tiện đi lại cho giảng viên	lượt	2	200,000	400,000
-	Chi thuê phòng nghỉ cho giảng viên	ngày	2	300,000	600,000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3,000,000
2	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên cho 6 lớp	người	724	100,000	72,400,000
3	Tiền nước uống cho học viên cho 6 lớp	người	724	40,000	28,960,000
VI	UBND Huyện Hà Trung				151,420,000
	05 lớp, tổng số 628 học viên	lớp	5		151,420,000
1	Chi phí tính cho 01 lớp				12,700,000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	2	3,000,000	6,000,000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	4	600,000	2,400,000
-	Chi phụ cấp tiền ăn cho giảng viên	ngày	2	150,000	300,000



Số TT	Nội dung chi	Dự toán			
		ĐVT	Số lượng	Định mức	Thành tiền
-	Chi thuê phương tiện đi lại cho giảng viên	lượt	2	200,000	400,000
-	Chi thuê phòng nghỉ cho giảng viên	ngày	2	300,000	600,000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3,000,000
2	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên cho 5 lớp	người	628	100,000	62,800,000
3	Tiền nước uống cho học viên cho 5 lớp	người	628	40,000	25,120,000
VII	Huyện Tĩnh gia				210,980,000
	07 lớp, tổng số 872 học viên	lớp	7		210,980,000
1	Chi phí tính cho 01 lớp				12,700,000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	2	3,000,000	6,000,000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	4	600,000	2,400,000
-	Chi phụ cấp tiền ăn cho giảng viên	ngày	2	150,000	300,000
-	Chi thuê phương tiện đi lại cho giảng viên	lượt	2	200,000	400,000
-	Chi thuê phòng nghỉ cho giảng viên	ngày	2	300,000	600,000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3,000,000
2	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên cho 7 lớp	người	872	100,000	87,200,000
3	Tiền nước uống cho học viên cho 7 lớp	người	872	40,000	34,880,000
VIII	Huyện Triệu Sơn				227,880,000
	08 lớp, tổng số 902 học viên	lớp	8		227,880,000
1	Chi phí tính cho 01 lớp				12,700,000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	2	3,000,000	6,000,000



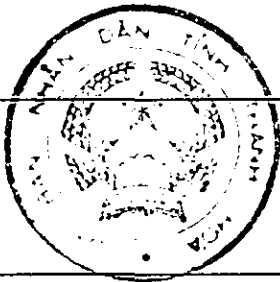
Số TT	Nội dung chi	Dự toán			
		ĐVT	Số lượng	Định mức	Thành tiền
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	4	600,000	2,400,000
-	Chi phụ cấp tiền ăn cho giảng viên	ngày	2	150,000	300,000
-	Chi thuê phương tiện đi lại cho giảng viên	lượt	2	200,000	400,000
-	Chi thuê phòng nghỉ cho giảng viên	ngày	2	300,000	600,000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3,000,000
2	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên cho 8 lớp	người	902	100,000	90,200,000
3	Tiền nước uống cho học viên cho 8 lớp	người	902	40,000	36,080,000
IX	Huyện Thiệu Hoá				170,440,000
	06 lớp, tổng số 686 học viên	lớp	6		170,440,000
1	Chi phí tính cho 01 lớp				12,400,000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	2	3,000,000	6,000,000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	4	600,000	2,400,000
-	Chi phụ cấp tiền ăn cho giảng viên	ngày	2	150,000	300,000
-	Chi thuê phương tiện đi lại cho giảng viên	lượt	2	200,000	400,000
-	Chi thuê phòng nghỉ cho giảng viên	ngày	1	300,000	300,000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3,000,000
2	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên cho 6 lớp	người	686	100,000	68,600,000
3	Tiền nước uống cho học viên cho 6 lớp	người	686	40,000	27,440,000
X	Huyện Nga Sơn				170,700,000
1	06 lớp, tổng số 675 học viên	lớp	6		170,700,000



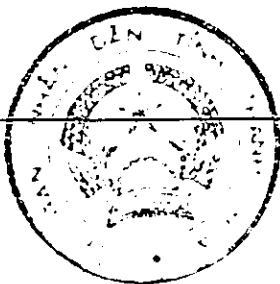
Số TT	Nội dung chi	Dự toán			
		ĐVT	Số lượng	Định mức	Thành tiền
1	Chi phí tính cho 01 lớp				12,700,000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	2	3,000,000	6,000,000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	4	600,000	2,400,000
-	Chi phụ cấp tiền ăn cho giảng viên	ngày	2	150,000	300,000
-	Chi thuê phương tiện đi lại cho giảng viên	lượt	2	200,000	400,000
-	Chi thuê phòng nghỉ cho giảng viên	ngày	2	300,000	600,000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3,000,000
2	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên cho 6 lớp	người	675	100,000	67,500,000
3	Tiền nước uống cho học viên cho 6 lớp	người	675	40,000	27,000,000
XI	Huyện Hậu Lộc				171,680,000
1	06 lớp, tổng số 682 học viên	lớp	6		171,680,000
1.1	Chi phí tính cho 01 lớp				12,700,000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	2	3,000,000	6,000,000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	4	600,000	2,400,000
-	Chi phụ cấp tiền ăn cho giảng viên	ngày	2	150,000	300,000
-	Chi thuê phương tiện đi lại cho giảng viên	lượt	2	200,000	400,000
-	Chi thuê phòng nghỉ cho giảng viên	ngày	2	300,000	600,000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3,000,000
1.2	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên cho 6 lớp	người	682	100,000	68,200,000
1.3	Tiền nước uống cho học viên cho 6 lớp	người	682	40,000	27,280,000



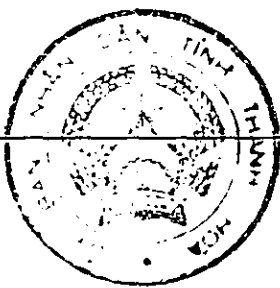
Số TT	Nội dung chi	Dự toán			
		ĐVT	Số lượng	Định mức	Thành tiền
XII	Huyện Nông Công				195,580,000
	07 lớp, tổng số 777 học viên	lớp	7		195,580,000
1	Chi phí tính cho 01 lớp				12,400,000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	2	3,000,000	6,000,000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	4	600,000	2,400,000
-	Chi phụ cấp tiền ăn cho giảng viên	ngày	2	150,000	300,000
-	Chi thuê phương tiện đi lại cho giảng viên	lượt	2	200,000	400,000
-	Chi thuê phòng nghỉ cho giảng viên	ngày	1	300,000	300,000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3,000,000
2	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên cho 7 lớp	người	777	100,000	77,700,000
3	Tiền nước uống cho học viên cho 7 lớp	người	777	40,000	31,080,000
XIII	Huyện Thọ Xuân				257,660,000
	09 lớp, tổng số 1024 học viên	lớp	9		257,660,000
1	Chi phí tính cho 01 lớp				12,700,000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	2	3,000,000	6,000,000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	4	600,000	2,400,000
-	Chi phụ cấp tiền ăn cho giảng viên	ngày	2	150,000	300,000
-	Chi thuê phương tiện đi lại cho giảng viên	lượt	2	200,000	400,000
-	Chi thuê phòng nghỉ cho giảng viên	ngày	2	300,000	600,000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3,000,000



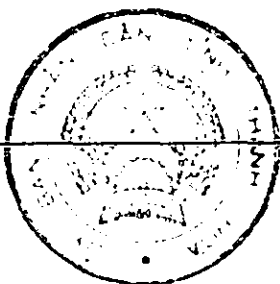
Số TT	Nội dung chi	Dự toán			
		ĐVT	Số lượng	Định mức	Thành tiền
2	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên cho 9 lớp	người	1,024	100,000	102,400,000
3	Tiền nước uống cho học viên cho 9 lớp	người	1,024	40,000	40,960,000
XIV	Huyện Quảng Xương				177,880,000
	06 lớp, tổng số 752 học viên	lớp	6		177,880,000
1	Chi phí tính cho 01 lớp				12,100,000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	2	3,000,000	6,000,000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	4	600,000	2,400,000
-	Chi phụ cấp tiền ăn cho giảng viên	ngày	2	150,000	300,000
-	Chi thuê phương tiện đi lại cho giảng viên	lượt	2	200,000	400,000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3,000,000
2	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên cho 6 lớp	người	752	100,000	75,200,000
3	Tiền nước uống cho học viên cho 6 lớp	người	752	40,000	30,080,000
XV	Huyện Đông Sơn				86,980,000
	03 lớp, tổng số 362 học viên	lớp	3		86,980,000
1	Chi phí tính cho 01 lớp				12,100,000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	2	3,000,000	6,000,000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	4	600,000	2,400,000
-	Chi phụ cấp tiền ăn cho giảng viên	ngày	2	150,000	300,000
-	Chi thuê phương tiện đi lại cho giảng viên	lượt	2	200,000	400,000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3,000,000



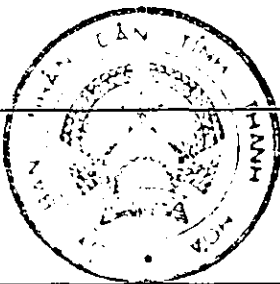
Số TT	Nội dung chi	Dự toán			
		ĐVT	Số lượng	Định mức	Thành tiền
2	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên cho 4 lớp	người	362	100,000	36,200,000
3	Tiền nước uống cho học viên cho 4 lớp	người	362	40,000	14,480,000
XVI	Huyện Vĩnh Lộc				108,060,000
	04 lớp, tổng số 409 học viên	lớp	4		108,060,000
1	Chi phí tính cho 01 lớp				12,700,000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	2	3,000,000	6,000,000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	4	600,000	2,400,000
-	Chi phụ cấp tiền ăn cho giảng viên	ngày	2	150,000	300,000
-	Chi thuê phương tiện đi lại cho giảng viên	lượt	2	200,000	400,000
-	Chi thuê phòng nghỉ cho giảng viên	ngày	2	300,000	600,000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3,000,000
2	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên cho 4 lớp	người	409	100,000	40,900,000
3	Tiền nước uống cho học viên cho 4 lớp	người	409	40,000	16,360,000
XVII	Huyện Như Xuân				116,020,000
	04 lớp, tổng số 463 học viên	lớp	4		116,020,000
1	Chi phí tính cho 01 lớp				12,800,000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	2	3,000,000	6,000,000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	4	600,000	2,400,000
-	Chi phụ cấp tiền ăn cho giảng viên	ngày	2	150,000	300,000



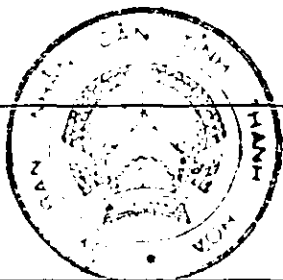
Số TT	Nội dung chi	Dự toán			
		ĐVT	Số lượng	Định mức	Thành tiền
-	Chi thuê phương tiện đi lại cho giảng viên	lượt	2	250,000	500,000
-	Chi thuê phòng nghỉ cho giảng viên	ngày	2	300,000	600,000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3,000,000
2	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên cho 4 lớp	người	463	100,000	46,300,000
3	Tiền nước uống cho học viên cho 4 lớp	người	463	40,000	18,520,000
XVIII	Huyện Như Thanh				113,080,000
	04 lớp, tổng số 442 học viên	lớp	4		113,080,000
1.1	Chi phí tính cho 01 lớp				12,800,000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	2	3,000,000	6,000,000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	4	600,000	2,400,000
-	Chi phụ cấp tiền ăn cho giảng viên	ngày	2	150,000	300,000
-	Chi thuê phương tiện đi lại cho giảng viên	lượt	2	250,000	500,000
-	Chi thuê phòng nghỉ cho giảng viên	ngày	2	300,000	600,000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3,000,000
1.2	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên cho 4 lớp	người	442	100,000	44,200,000
1.3	Tiền nước uống cho học viên cho 4 lớp	người	442	40,000	17,680,000
XIX	Huyện Thường Xuân				112,380,000
	04 lớp, tổng số 437 học viên	lớp	4		112,380,000
1	Chi phí tính cho 01 lớp				12,800,000



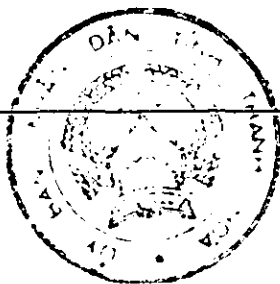
Số TT	Nội dung chi	Dự toán			
		ĐVT	Số lượng	Định mức	Thành tiền
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	2	3,000,000	6,000,000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	4	600,000	2,400,000
-	Chi phụ cấp tiền ăn cho giảng viên	ngày	2	150,000	300,000
-	Chi thuê phương tiện đi lại cho giảng viên	lượt	2	250,000	500,000
-	Chi thuê phòng nghỉ cho giảng viên	ngày	2	300,000	600,000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3,000,000
2	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên cho 4 lớp	người	437	100,000	43,700,000
3	Tiền nước uống cho học viên cho 4 lớp	người	437	40,000	17,480,000
XX	Huyện Lang Chánh				78,440,000
	03 lớp, tổng số 286 học viên	lớp	3		78,440,000
1	Chi phí tính cho 01 lớp				12,800,000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	2	3,000,000	6,000,000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	4	600,000	2,400,000
-	Chi phụ cấp tiền ăn cho giảng viên	ngày	2	150,000	300,000
-	Chi thuê phương tiện đi lại cho giảng viên	lượt	2	250,000	500,000
-	Chi thuê phòng nghỉ cho giảng viên	ngày	2	300,000	600,000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3,000,000
2	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên cho 3 lớp	người	286	100,000	28,600,000
3	Tiền nước uống cho học viên cho 3 lớp	người	286	40,000	11,440,000
XXI	Huyện Quan Sơn				82,500,000



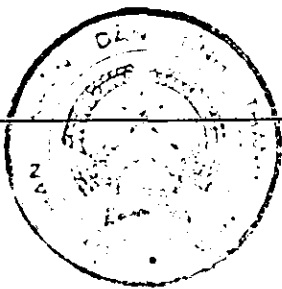
Số TT	Nội dung chi	Dự toán			
		ĐVT	Số lượng	Định mức	Thành tiền
	03 lớp, tổng số 315 học viên	lớp	3		82,500,000
1	Chi phí tính cho 01 lớp				12,800,000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	2	3,000,000	6,000,000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	4	600,000	2,400,000
-	Chi phụ cấp tiền ăn cho giảng viên	ngày	2	150,000	300,000
-	Chi thuê phương tiện đi lại cho giảng viên	lượt	2	250,000	500,000
-	Chi thuê phòng nghỉ cho giảng viên	ngày	2	300,000	600,000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3,000,000
2	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên cho 3 lớp	người	315	100,000	31,500,000
3	Tiền nước uống cho học viên cho 3 lớp	người	315	40,000	12,600,000
XXII	Huyện Thạch Thành				180,680,000
	06 lớp, tổng số 742 học viên	lớp	6		180,680,000
1	Chi phí tính cho 01 lớp				12,800,000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	2	3,000,000	6,000,000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	4	600,000	2,400,000
-	Chi phụ cấp tiền ăn cho giảng viên	ngày	2	150,000	300,000
-	Chi thuê phương tiện đi lại cho giảng viên	lượt	2	250,000	500,000
-	Chi thuê phòng nghỉ cho giảng viên	ngày	2	300,000	600,000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3,000,000



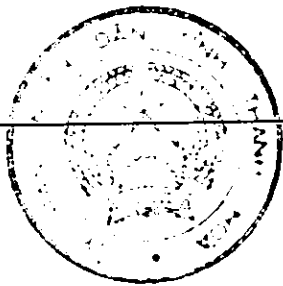
Số TT	Nội dung chi	Dự toán			
		ĐVT	Số lượng	Định mức	Thành tiền
2	Tiền nước uống cho học viên cho 6 lớp	người	742	40,000	29,680,000
3	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên cho 6 lớp	người	742	100,000	74,200,000
XXIII	Huyện Ngọc Lặc				149,260,000
	05 lớp, tổng số 609 học viên	lớp	5		149,260,000
1	Chi phí tính cho 01 lớp				12,800,000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	2	3,000,000	6,000,000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	4	600,000	2,400,000
-	Chi phụ cấp tiền ăn cho giảng viên	ngày	2	150,000	300,000
-	Chi thuê phương tiện đi lại cho giảng viên	lượt	2	250,000	500,000
-	Chi thuê phòng nghỉ cho giảng viên	ngày	2	300,000	600,000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3,000,000
2	Tiền nước uống cho học viên cho 5 lớp	người	609	40,000	24,360,000
3	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên cho 5 lớp	người	609	100,000	60,900,000
XXIV	Huyện Cẩm Thủy				138,480,000
	05 lớp, tổng số 532 học viên	lớp	5		138,480,000
1	Chi phí tính cho 01 lớp				12,800,000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	2	3,000,000	6,000,000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	4	600,000	2,400,000
-	Chi phụ cấp tiền ăn cho giảng viên	ngày	2	150,000	300,000
-	Chi thuê phương tiện đi lại cho giảng viên	lượt	2	250,000	500,000



Số TT	Nội dung chi	Dự toán			
		ĐVT	Số lượng	Định mức	Thành tiền
-	Chi thuê phòng nghỉ cho giảng viên	ngày	2	300,000	600,000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3,000,000
2	Tiền nước uống cho học viên cho 5 lớp	người	532	40,000	21,280,000
3	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên cho 5 lớp	người	532	100,000	53,200,000
XXV	Huyện Quan Hóa				110,420,000
	04 lớp, tổng số 423 học viên	lớp	4		110,420,000
1	Chi phí tính cho 01 lớp				12,800,000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	2	3,000,000	6,000,000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	4	600,000	2,400,000
-	Chi phụ cấp tiền ăn cho giảng viên	ngày	2	150,000	300,000
-	Chi thuê phương tiện đi lại cho giảng viên	lượt	2	250,000	500,000
-	Chi thuê phòng nghỉ cho giảng viên	ngày	2	300,000	600,000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3,000,000
2	Tiền nước uống cho học viên cho 4 lớp	người	423	40,000	16,920,000
3	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên cho 4 lớp	người	423	100,000	42,300,000
XXVI	Huyện Bá Thước				148,140,000
	05 lớp, tổng số 601 học viên	lớp	5		148,140,000
1	Chi phí tính cho 01 lớp				12,800,000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	2	3,000,000	6,000,000



Số TT	Nội dung chi	Dự toán			
		ĐVT	Số lượng	Định mức	Thành tiền
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	4	600,000	2,400,000
-	Chi phụ cấp tiền ăn cho giảng viên	ngày	2	150,000	300,000
-	Chi thuê phương tiện đi lại cho giảng viên	lượt	2	250,000	500,000
-	Chi thuê phòng nghỉ cho giảng viên	ngày	2	300,000	600,000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3,000,000
2	Tiền nước uống cho học viên cho 5 lớp	người	601	40,000	24,040,000
3	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên cho 5 lớp	người	601	100,000	60,100,000
XXVII	Huyện Mường Lát				57,940,000
	02 lớp, tổng số 231 học viên	lớp	2		57,940,000
1	Chi phí tính cho 01 lớp				12,800,000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	2	3,000,000	6,000,000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	4	600,000	2,400,000
-	Chi phụ cấp tiền ăn cho giảng viên	ngày	2	150,000	300,000
-	Chi thuê phương tiện đi lại cho giảng viên	lượt	2	250,000	500,000
-	Chi thuê phòng nghỉ cho giảng viên	ngày	2	300,000	600,000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3,000,000
2	Tiền nước uống cho học viên cho 2 lớp	người	231	40,000	9,240,000
3	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên cho 2 lớp	người	231	100,000	23,100,000



Số TT	Nội dung chi	Dự toán			
		ĐVT	Số lượng	Định mức	Thành tiền
C	TẬP HUẤN GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY CÁC LỚP BỒI DƯỠNG ĐẠI BIỂU HĐND DO BỘ NỘI VỤ TỔ CHỨC TẠI HẢI PHÒNG (TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH)				33,280,000
-	Chi phụ cấp công tác phí (180.000đ/ngày x 4 ngày)	người	9	720,000	6,480,000
-	Chi tiền thuê chỗ nghỉ (400.000đ/người/đêm x 3 đêm)	người	9	1,200,000	10,800,000
-	Chi thuê phương tiện đi lại: 01 xe ô tô 16 chỗ ngồi (4.000.000đ/xe/ngày x 4 ngày)	chiếc	1	16,000,000	16,000,000
D	HỖ TRỢ TIỀN ĂN, NGHỈ, ĐI LẠI CHO ĐẠI BIỂU HĐND CẤP TỈNH THAM GIA LỚP BỒI DƯỠNG DO BỘ NỘI VỤ TỔ CHỨC TẠI NGHỆ AN (VĂN PHÒNG HĐND TỈNH)				383,550,000
-	Chi phụ cấp công tác phí (180.000đ/ngày x 3,5 ngày)	người	120	630,000	75,600,000
-	Chi tiền thuê chỗ nghỉ				199,950,000
+	Đối tượng có hệ số phụ cấp từ 1 đến 1.25 (1.000.000đ/người/đêm x 3 đêm)	người	23	3,000,000	69,000,000
+	Đối tượng còn lại (450.000đ/người/đêm x 3 đêm)	người	97	1,350,000	130,950,000
-	Chi thuê phương tiện đi lại: 02 xe ô tô 50 chỗ ngồi (8.000.000 đ/xe/ngày x 4 ngày)	chiếc	2	32,000,000	64,000,000
-	Chi tiếp khách	người	120	200,000	24,000,000
-	Chi khác				20,000,000